

Bản án số: 59/2025/HS-ST
Ngày 07-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa – Nguyên chủ tịch Hội phụ nữ phường Bửu Hòa.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2025/HSST ngày 02/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HS ngày 16/7/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Nhật Tr (tên gọi khác: C), sinh ngày 20-4-2007 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ 6, khu phố T, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn H1, sinh năm 1972; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 13-5-2025 có hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 13-6-2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố và bắt tạm giam.

- Ngày 31-3-2025 có hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 17-6-2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố bị can.

Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa trong vụ án khác (có mặt).

2. Lê Minh L, sinh ngày 03-8-2006 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố 2, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh N, sinh năm 1979 và bà

Lê Nguyễn Nhã T, sinh năm 1983; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con lớn; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Đặng Thanh H (tên gọi khác: B), sinh ngày 25-12-2007 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 4, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Nơi ở: khu phố 4, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thanh T, sinh năm 1978 và bà Phan Thị H1, sinh năm 1977; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con lớn; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 31-3-2025 có hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Ngày 11-4-2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố và bắt tạm giam.

Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa trong vụ án khác (có mặt).

4. Phạm Hoàng P, sinh ngày 03-5-2008 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ 31, khu phố 5, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hoàng Phúc H2, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1985; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con lớn nhất; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đặng Thanh H: Bà Phan Thị H3, sinh năm: 1977.(có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: khu phố 4, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Nơi ở: Nhà trọ tổ 1, khu phố 4, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Phạm Hoàng P: Ông Phạm Hoàng Phúc H2, sinh năm: 1984. (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 31, khu phố 5, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhật Tr, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P: Ông Nguyễn Doãn Nhương – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Địa chỉ: 224, đường 30/4, phường T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Thanh T1, sinh ngày: 04/9/2008. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Th, sinh năm: 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- Người làm chứng:

1. Anh **Phạm Vũ Sơn T2**, sinh ngày: 07/3/2009. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 22D, khu phố Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

2. Anh **Võ Trí T3**, sinh ngày: 26/7/2009. (có mặt)

Địa chỉ: 36/6/3, khu phố 4, phường Quyết Thắng (khu phố 10, phường Trung Dũng), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai).

3. Anh **Nguyễn Cao Gia H3**, sinh ngày: 28/3/2009. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 2, phường Hòa Bình (khu phố 6, phường Quang Vinh), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai).

4. Anh **Lê Thái D**, sinh ngày: 15/01/2010. (vắng mặt)

Địa chỉ: 115B/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai).

5. Anh **Nguyễn Anh T4**, sinh ngày: 01/02/2009. (có mặt)

Địa chỉ: 115B/A2, khu phố Nhị Hòa, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai).

6. Anh **Tổng Minh Th1**, sinh ngày: 20/6/2010. (vắng mặt)

Địa chỉ: 158/48/11/10, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai).

7. Anh **Lương Chí H4**, sinh ngày: 30/7/2008. (có mặt)

Địa chỉ: 24/5, tổ 4, khu phố Đồng Nai, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Nhật Tr có mâu thuẫn với Lê Thanh T1 (sinh năm 2008 thường trú tại ấp 6, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang). Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25-07-2024, Tr nhắn tin cho Thanh T1 hẹn gặp nhau tại khu vực trước Trung tâm tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai (Quảng Tr tỉnh Đồng Nai) thuộc khu phố 2, phường T, thành phố Biên Hòa để đánh nhau.

Tr mượn điện thoại của bà Nguyễn H1 (mẹ của Tr) và sử dụng messenger (mạng xã hội Facebook) gọi điện rủ Phạm Vũ Sơn T2 (sinh ngày 07-3-2009), Đặng Thanh H, Lê Minh L, Nguyễn Cao Gia H3 (sinh ngày 23-8-2009) đi đánh nhau, T2, H, L, H3 đồng ý và hẹn nhau tại bờ kè Nguyễn Văn Tr thuộc phường H, thành phố Biên Hòa. Tr cũng nhờ L, H, H3 rủ thêm người cùng đi đánh nhóm của Thanh T1. Sau khi được rủ thì Lộc rủ thêm Võ Trí T3 (sinh ngày 26-7-2009) và

Th2 (Chưa rõ lai lịch), H rử Lương Chí H4 (sinh ngày 30-7-2008) và Quốc D1 (Chưa rõ lai lịch), H3 rử Phạm Hoàng P, Lê Thái D (sinh ngày 15-01-2010).

Sau đó, Sơn T2 điều khiển xe mô tô biển số 59S2-525.15 qua đón Tr, khi đến bờ kè Nguyễn Văn Trị thì gặp H, H4, Quốc D, Nguyễn Anh T4 (sinh ngày 01-02-2009), Tống Minh Th1 (sinh ngày 20-6-2010) đang uống nước tại đây. Tr rử Tuấn và Thiện đi đánh nhau, Tuấn và Thiện đồng ý. Tr mượn điện thoại di động của Sơn Tùng gọi cho H3, một lúc sau thì H3 và P đến quán nước.

Cả nhóm cùng đi đến tập hợp tại khu vực "Công viên Biên Hùng" thuộc phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tr đến mé bờ hồ công viên mang ra 01 bao hung khí bên trong có 02 con dao rựa dài 01m40, 03 con dao tự chế dài khoảng từ 01m đến 01m20 (Tr đã chuẩn bị và cất giấu trước đó). Lộc đem theo 01 con dao tự chế dài khoảng 01m. Tr đưa cho H3, Th1, H4 mỗi người 01 con dao tự chế; riêng Tr cầm 02 con dao rựa. Do sợ mang hung khí đi đường sẽ bị Cơ quan Công an phát hiện nên Tr lấy lại các dao tự chế bỏ lại vào bao.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Sơn T2 điều khiển xe mô tô biển số 59S2-525.15 chở H và Trg (Tr ôm bao hung khí), P điều khiển xe mô tô biển số 60N8-1992 chở Thái D và H3, Tài điều khiển xe mô tô (Chưa rõ biển số) chở L và Th2, Quốc D điều khiển xe mô tô (Chưa rõ biển số) chở H4, Thiện điều khiển xe mô tô biển số 60N5-1587 chở T4 đi từ Công viên Biên Hùng theo đường Phan Đình Phùng hướng về Cổng 2 đi vào đường Nguyễn Ái Quốc đi về Trung tâm tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai (Quảng Tr tỉnh Đồng Nai). Khi đi đến đoạn đường gần Công an thành phố Biên Hòa thuộc khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hòa thì Tr đưa cho H3 cầm 01 con dao tự chế, Thái D cầm 01 con dao tự chế, H4 cầm 01 dao tự chế, Tr cầm 02 con dao rựa. Khi đến trước Quảng Trường tỉnh Đồng Nai, Trường đưa cho Hùng cầm 01 con dao rựa. Do không thấy nhóm của Thanh T1 như đã hẹn nên Tr gọi điện thoại cho Thanh T1 nhưng không liên lạc được. Trường nói với đồng bọn đi về Công viên Biên Hùng chờ lúc nào liên lạc được với Thanh T1 thì sẽ đi đánh nhóm của Thanh T1. Khi nhóm Tr cầm dao đi về đến Trường trung học phổ thông Ngô Quyền thuộc phường T thì thấy nhóm thanh niên điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều, do nhầm tưởng là nhóm của Thanh T1 nên Tr hô hào cả nhóm cầm dao đuổi theo một đoạn, do không đuổi kịp nên nhóm Tr cầm dao tiếp tục đi tìm nhóm của Thanh T1 để đánh.

Khi đi đến gần cổng chợ Tthuộc khu phố 2, phường T, thành phố Biên Hòa thì Tr thấy Thanh T1 đang ngồi uống nước trong quán cà phê "Pami" bên đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 2, phường T. Lúc này, Tr cầm dao rựa hô hào cùng với Hùng, Lộc cùng đồng bọn cầm dao tự chế đuổi chém Thanh T1 nên Thanh T1 cùng nhóm bạn bỏ chạy thoát vào đường hẻm gần đó. Do không đuổi kịp để đánh Thanh T1 nên nhóm Tr lên xe đi về Công viên Biên Hùng để tiếp tục gọi cho T2 đến để đánh nhau. Hành vi của Tr và đồng bọn đã gây mất trật tự nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Khoảng 02 giờ ngày 26-7-2024, Tr mang ra thêm 03 vỏ chai bia nhãn Sài Gòn bằng thủy tinh và khi nhóm Tr đang tụ tập trong khu vực Công viên Biên Hùng thì bị lực lượng tuần tra Công an phường Trung Dũng phát hiện bắt quả tang đối với Tr, P, H và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố Biên Hòa để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra: Nguyễn Nhật Tr, Phạm Hoàng P, Đặng Thanh H, Lê Minh L đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Về vật chứng:

- Thu giữ của Nguyễn Nhật Tr: 02 con dao rựa tự chế dài 140cm, 01 con dao tự chế dài 105cm, 03 vỏ chai bia nhãn Sài Gòn bằng thủy tinh là hung khí dùng vào việc phạm tội.

- Đối với 02 con tự chế dài khoảng 01m: Nguyễn Cao Gia H3 và Lê Thái D đã vứt bỏ trên đường về nên không thu hồi được. (Bút lục số 146, 159)

- Thu giữ của Nguyễn Anh Tuấn: xe mô tô biển số 60N5-1587. Thu giữ của Lê Thái D: xe mô tô biển số 60N8-1992. Thu giữ của Phạm Vũ Sơn T2: xe mô tô biển số 59S2-525.15. Hiện chưa rõ nguồn gốc và chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tách ra, xử lý sau.

- Thu giữ của Lê Thanh T1: 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 357086106946120/01 không liên quan đến việc phạm tội. (Bút lục số 279)

Tại Cáo trạng số 446/CT-VKS-HS ngày 24/6/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo:

Nguyễn Nhật Tr từ 02 đến 03 năm tù.

Lê Minh L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đặng Thanh H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Phạm Hoàng P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho Lê Thanh T 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 357086106946120/01 không liên quan đến việc phạm tội.

Phát biểu của trợ giúp viên pháp lý: Thống nhất về tội danh và điều luật Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo. Thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quan điểm của Kiểm sát viên. Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội đều là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt với mức thấp nhất cho các bị cáo. Đối với bị cáo Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo, đề nghị xử phạt bị cáo Phúc mức án thấp nhất và cho bị Phúc được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ

vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Anh Võ Trí T3, Nguyễn Cao Gia H3, Lê Thái D, Nguyễn Anh T4, Tống Minh Th1 có hành vi “Gây rối trật tự công cộng” nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ về Ủy ban nhân dân phường để xử phạt hành chính bằng hình thức giáo dục tại phường, xã và việc xét xử vụ án không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người này do đó những người này được xác định là người làm chứng trong vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt anh Lê Thái D, Tống Minh Th1. Nhận thấy trong quá trình điều tra anh D và anh Th1 đã có lời khai trình bày về vụ việc, do đó Hội đồng xử vắng mặt anh D và anh Th1 theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về việc vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh T tại phiên tòa. Xét thấy, anh T1 đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, đồng thời trong quá trình điều tra anh T1 đã có lời khai trình bày về vụ việc, do đó Hội đồng xử vắng mặt anh Lê Thanh T1 theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Theo như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Phạm Hoàng P, Đặng Thanh H thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25-7-2024 đến 02 giờ ngày 26-7-2024, Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P, Phạm Vũ Sơn T2 (sinh ngày 07-3-2009), Nguyễn Cao Gia H3 (sinh ngày 23-8-2009), Võ Trí T3 (sinh ngày 26-7-2009), Lê Thái D (sinh ngày 15-01-2010), Nguyễn Anh T4 (sinh ngày 01-02-2009), Tống Minh Thiện (sinh ngày 20-6-2010), Lương Chí H4 (sinh ngày 30-7-2008) và Quốc D, Thắng (Chưa rõ lai lịch) mang theo 06 con dao tự chế (02 con dao rựa dài 01m40, 04 con dao tự chế dài khoảng từ 01m đến 01m20) đi từ Công viên Biên Hùng theo đường Phan Đình Phùng hướng về Cổng 2 và theo đường Nguyễn Ái Quốc đi về Trung tâm tổ chức sự kiện tỉnh Đồng Nai (Quảng Trường tỉnh Đồng Nai) để tìm đánh nhóm của Lê Thanh T1. Do không thấy nhóm của Tùng nên nhóm Tr cầm dao đi về khi đi đến đoạn trước Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền thì Tr thấy có

một nhóm thanh niên điều khiển xe chạy hướng ngược chiều. Vì nhầm tưởng là nhóm của Thanh T1 nên Tr hô hào cả nhóm cầm dao tự chế đuổi theo. Do không đuổi kịp nên nhóm Tr tiếp tục cầm dao tự chế đi đến khu vực trước quán cà phê "Pami" trên đường Nguyễn Ái Quốc thuộc khu phố 2, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì gặp Thanh T1 đang ngồi uống nước. Nhóm Tr cầm dao tự chế hô hào cùng đuổi chém Thanh T1 nhưng không chém được. Đến khoảng 02 giờ ngày 26-7-2024, nhóm Tr đang tập trung tại khu vực Công viên Biên Hùng thì bị Công an phường T phát hiện bắt quả tang. Hành vi của Tr và đồng bọn đã gây mất trật tự nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 446/CT-VKSBH ngày 24/6/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Các bị cáo đã tập hợp đông người, sử dụng số lượng lớn dao tự chế là hung khí nguy hiểm để hô hào đuổi đánh người khác là thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng. Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng về hành vi, vai trò thực hiện để cải tạo, giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:* Trong vụ án này, Nguyễn Nhật Tr là người chủ mưu, rủ rê, chuẩn bị hung khí, thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò cao nhất trong vụ án cần xét xử Tr với hình phạt nặng nhất; Lê Minh L là người rủ rê, chuẩn bị hung khí, thực hiện hành vi phạm tội tích cực, tham gia với vai trò cao thứ 2 trong vụ án; Đặng Thanh H là người rủ rê, thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò thấp hơn Tr và L; Phạm Hoàng P là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội tích cực có vai trò ít hơn 03 bị cáo còn lại.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P phạm vào tình tiết “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

+ Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P phạm tội khi

chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các Điều luật quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Nhật Tr, Đặng Thanh H trong thời gian được tại ngoại đã tiếp tục tham gia phạm tội trong vụ án khác, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không ăn năn hối cải để cải tạo thành người công dân tốt. Cần xử phạt nghiêm đối với hai bị cáo này để giáo dục, răn đe bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy 02 con dao rựa tự chế dài 140cm, 01 con dao tự chế dài 105cm, 03 vỏ chai bia nhãn Sài Gòn bằng thủy tinh là hung khí dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 357086106946120/01 cho anh Phạm Vũ Sơn Tùng do không liên quan đến việc phạm tội.

- Đối với 02 con tự chế dài khoảng 01m: Nguyễn Cao Gia Huy và Lê Thái D đã vứt bỏ trên đường về nên không thu hồi được.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với hành vi Phạm Vũ Sơn Tùng, Nguyễn Cao Gia H3, Võ Trí T3, Lê Thái D, Nguyễn Anh T4, Tống Minh Th1, Lương Chí H4 có hành vi “Gây rối trật tự công cộng” nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ về Ủy ban nhân dân phường để xử phạt hành chính bằng hình thức giáo dục tại phường, xã là phù hợp.

- Đối với hai thanh niên tên Quốc D và Th2 (Chưa rõ lai lịch) có hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

- Đối với Lê Thanh T1 có hành vi thách thức đánh nhau với Tr nhưng T1 không đến gặp Tr do sợ bị đánh, T1 cũng không chuẩn bị hung khí và rủ rê người khác tham gia đánh nhau nên không xem xét xử lý hành vi này của T1 là phù hợp.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; về mức hình phạt là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận;

Trình bày của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo tội danh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; về mức hình phạt là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận;

[7] Đối với phần trình bày của bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhật Tr, Lê Minh L, Đặng Thanh H, Phạm Hoàng P phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo:

Nguyễn Nhật Tr 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Đặng Thanh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Lê Minh L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạm Hoàng P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với Bản án:

Bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án;

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhàn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

- (6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.
- (8) Tr hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Tr hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
- (9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.
- (10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.
- (11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Tr hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Tr hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.
- (25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.
- (26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.
- (27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
- (28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
- Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (29) tùy từng Tr hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.
- (30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
- (31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ

vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)